

Số: 139/2023/QĐST-HNGĐ

Đông Đa, ngày 23 tháng 02 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số số 1281/2022/HNGĐST ngày 20 tháng 12 năm 2022, giữa những người yêu cầu:

- **Chị N.T.H**, sinh năm 1986

Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: X Tập thể Y (cũ: X Tập thể Y), phường Z, quận Đông Đa, Thành phố Hà Nội.

- **Anh N.P.D**, sinh năm 1984

Hộ khẩu thường trú: Thôn X, xã Y, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

Nơi cư trú: Số X phố Y, thôn Z, xã Hoàng Đồng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 36 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15/02/2023 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 1281/2022/HNGĐST ngày 20 tháng 12 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 02 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa: Chị N.T.H và anh N.P.D

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị N.T.H và anh N.P.D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường X, Thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn ngày 01/8/2011. Trước khi kết hôn chưa ai có vợ, có chồng.

Nay anh chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị N.T.H và anh N.P.D đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Chị N.T.H và anh N.P.D có 01 con chung là cháu N.N.B.A (giới tính nữ), sinh ngày 24/08/2011. Khi ly hôn, ghi nhận sự công nhận sự thỏa thuận của chị H và anh D như sau: Giao cho chị H được nuôi dưỡng cháu B.A đến khi cháu đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc khi có Quyết định khác của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thay thế; tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh D cho đến khi chị H có yêu cầu hoặc có quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền thay thế.

Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản.

- **Về tài sản chung và nhà ở chung** (động sản và bất động sản): Chị N.T.H và anh N.P.D không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa không xét.

- **Về nợ:** Chị N.T.H và anh N.P.D không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa không xét.

- **Về lệ phí:** Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị N.T.H và anh N.P.D để chị N.T.H chịu cả 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) lệ phí giải quyết việc ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng chị H đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0071263 ngày 20/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận Đống Đa;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

N.B.H